

Số: 40/QĐ-CL

Phú nhuận, ngày 02 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán Thu – Chi ngân sách Quý III/2024 của Trường Tiểu học Chí Linh

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo Dục Đào Tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;
- Căn cứ Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 về việc phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;
- Xét đề nghị của Hội đồng Trường Tiểu học Chí Linh về việc công khai thực hiện dự toán Thu – Chi ngân sách Quý III/2024 của CB – GV – CNV theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo Dục Đào Tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai thực hiện dự toán Thu – Chi ngân sách Quý III/2024 (Đính kèm Biểu số 3 ban hành kèm theo thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của bộ tài chính)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, kế toán và các cán bộ viên chức của Trường Tiểu học Chí Linh chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



TRẦN THỊ KIM DUNG

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý 3 Năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
A.	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I.	Số thu phí, lệ phí				
1.	Phí				
2.	Lệ phí				
II.	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1.	Phí				
2.	Lệ phí				
III.	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1.	Phí				
2.	Lệ phí				
B.	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.527.509.029	1.203.840.887	22	118
I.	Nguồn ngân sách trong nước	5.527.509.029	1.203.840.887	22	118
1.	Chi quản lý hành chính				
1.1.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2.	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1.	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.527.509.029	1.203.840.887	22	118
3.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.036.567.086	776.592.107	26	840
3.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.490.941.943	427.248.780	17	46

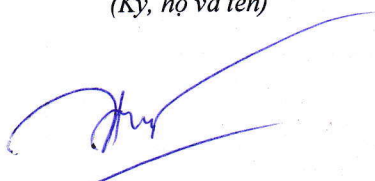
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/ năm	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	B	1	2	3	4
4.	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5.	Chi bảo đảm xã hội				
5.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6.	Chi hoạt động kinh tế				
6.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7.	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8.	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9.	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10.	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11.	Quốc phòng				
11.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
11.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
12.	An ninh và trật tự an toàn xã hội				
12.1.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
12.2.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II.	II. Nguồn viện trợ				
III.	III. Nguồn vay nợ nước ngoài				

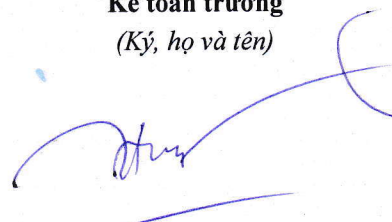
Ngày 2 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)


Bùi Nguyên Lê Hồng


Bùi Nguyên Lê Hồng



Trần Thị Kim Dung